

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2019/KDTM-ST**

Ngày: 07-5-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Mẫn;

Bà Đinh Thị Ngọc Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 – số 06, đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST- KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 784/2019/QĐXXST – KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1248/2019/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm 1981 (văn bản ủy quyền 01/8/2018)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; Địa chỉ: xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 13/11/2017, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty Cổ phần B (gọi tắt là Công ty B) có ký kết Hợp đồng số 01 - 11/2017/HĐ-AH, nội dung thể hiện Công ty A có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự tại địa điểm tổ chức lễ hội do Công ty B tổ chức tại Khu đô thị Vạn Phúc, quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, giá trị hợp đồng là 1.600.000.000 đồng. Đến ngày 14/11/2017 hai bên ký thêm phụ lục tăng cường thêm vị trí bảo vệ với mức phí 55.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hợp đồng là 1.655.000.000 đồng. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty B chỉ mới thanh toán được 40% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền 737.000.000 đồng cho Công ty A. Đối với số tiền phí dịch vụ còn lại Công ty A đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty B không thực hiện. Do đó, nguyên đơn – Công ty A khởi kiện yêu cầu bị đơn - Công ty B trả số tiền nợ gốc là 918.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2018 tạm tính đến ngày 31/7/2018 là 64.260.000 đồng, tổng cộng là 982.260.000 đồng.

Bị đơn - Công ty Cổ phần B và người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 21/3/2019, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Đức T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 918.000.000 đồng, rút lại yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán và yêu cầu được vắng mặt trong buổi Tòa án xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định, tuân theo pháp luật tố tụng. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào việc ký kết hợp đồng dịch vụ số 01-11/2017/HĐ-AH ngày 13/11/2017 và Phụ lục Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 11/2017/PL-AH ngày 14/11/2017 giữa hai Công ty và sổ phụ tài khoản tiền gửi của Công ty A cùng với sự xác nhận của kế toán Công ty B có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ Công ty B còn nợ Công ty A số tiền là 918.000.000 đồng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty B trả số tiền còn nợ cho Công ty A là 918.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán, do nguyên đơn có đơn rút lại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 01/8/2018, Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A khởi kiện Công ty Cổ phần B yêu cầu trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ giữa các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn – Công ty Cổ phần B có trụ sở chính tại Quận 1 nên căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Việc giải quyết vắng mặt đối với bị đơn: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án thể hiện bị đơn không còn hoạt động tại nơi đăng ký trụ sở chính phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả cung cấp thông tin doanh nghiệp của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty cổ phần B chưa đăng ký giải thể. Căn cứ đơn khởi kiện và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bị đơn có cơ sở xác định địa chỉ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện là đúng và đầy đủ. Việc bị đơn thay đổi trụ sở mà không công bố công khai theo quy định pháp luật được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa, bị đơn Công ty B vắng mặt lần thứ 2, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty A về việc yêu cầu bị đơn - Công ty B thanh toán số tiền còn nợ: Căn cứ bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 01-11/2017/HĐ-AH ngày 13/11/2017 và Phụ lục Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 11/2017/PL-AH ngày 14/11/2017 giữa hai Công ty nội dung thể hiện, Công ty A cung cấp cho Công ty B dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự tại địa điểm tổ chức Lễ hội B – Kết nối cộng đồng B Lighting & Lantern Festival 2017 tại Khu đô thị Vạn Phúc, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Theo thỏa thuận, Công ty A có nghĩa vụ và trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự và đảm bảo an toàn cho toàn khu vực bảo vệ trong thời hạn từ ngày 14/11/2017

đến hết ngày 30/11/2017, tổng giá trị của các hợp đồng là 1.655.000.000 đồng. Từ nội dung của hợp đồng cho thấy thỏa thuận giữa các bên là cung ứng dịch vụ, đây là hoạt động thương mại mà theo đó bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án gồm: Phương án bảo vệ lẽ hội ngày 08/11/2017; Biên bản bàn giao giữa hai bên ngày 27/01/2018; Giấy báo có ngày 06/12/2017 và ngày 26/12/2017; Sổ phụ tài khoản tiền gửi ngày 31/12/2017 cho thấy Công ty A đã thực hiện xong công việc như thỏa thuận nhưng đến nay Công ty B chỉ mới thanh toán cho Công ty A số tiền là 737.000.000 đồng nên số tiền còn lại chưa thanh toán là 918.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập được bà Phạm Thị Kim Loan là kế toán của Công ty B, bà Loan xác định có việc ký kết hợp đồng dịch vụ giữa các bên và Công ty B chưa thanh toán số tiền phí dịch vụ còn lại là 918.000.000 đồng cho Công ty A. Điều 87 Luật thương mại quy định: *Thời hạn thanh toán là thời điểm việc cung ứng dịch vụ đã hoàn thành*. Tuy nhiên, ngoài tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện và Tòa án thu thập được không có chứng cứ nào khác cho thấy bị đơn đã trả xong số tiền còn nợ là 918.000.000 đồng. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định dù bị đơn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nhưng với những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được đủ cơ sở vững chắc để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, do đó buộc Công ty B có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền là 918.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xét việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018, ngoài việc yêu cầu Công ty B thanh toán nợ gốc, Công ty A còn yêu cầu Công ty B trả lãi do chậm thanh toán là 64.200.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đơn rút lại yêu cầu buộc Công ty B phải trả lãi trên số tiền chậm thanh toán. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty B phải chịu án phí theo quy định pháp luật, án phí được tính như sau: 36.000.000 đồng + 3% (918.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 39.540.000 đồng. Công ty A không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ vào Điều 74; Khoản 1 Điều 85; Điều 87; Điều 306 Luật Thương mại;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần B có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 01 - 11/2017/HĐ-AH ngày 13/11/2017 và Phụ lục Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 11-11/2017/PL-AH ngày 14/11/2017 do hai Công ty xác lập là 918.000.000 đồng (chín trăm mười tám triệu đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần B trả lãi trên số nợ gốc do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 64.200.000 đồng (sáu mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, hàng tháng Công ty Cổ phần B còn phải trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty Cổ phần B phải chịu án phí là 39.540.000 đồng (ba mươi chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ A đã nộp là 20.730.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0023451 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhật Minh